

MỘT SỐ BÀI KINH TỤNG HÀNG NGÀY BẰNG TIẾNG VIỆT CỦA PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

Tóm Tắt: Những năm gần đây, Phật giáo Nam tông trong cộng đồng người Khmer ở Việt Nam (quá khứ và hiện tại) đã trở thành chủ đề quan tâm của giới nghiên cứu khoa học xã hội. Tuy nhiên, hiện nay ít có những công trình đi sâu nghiên cứu về kinh tụng hàng ngày của cộng đồng này. Bài viết này nhằm góp phần làm rõ nội dung một số bài kinh chủ đạo được tụng đọc hàng ngày của cộng đồng Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam từ cách tiếp cận tôn giáo học qua nguồn tư liệu kinh sách và tư liệu điền dã.

Từ khóa: Kinh tụng; tiếng Việt; Phật giáo Nam tông; Việt Nam.

Dẫn nhập

Theo tác giả Lý Hùng¹, Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam tính đến năm 2015 có 464 chùa, với 7.827 vị sư sãi (66 Hòa thượng, 102 Thượng tọa, 1.584 Đại đức, Tỳ khuru, Sadi); 5.701 thành viên Ban quản trị chùa và gần 1.052.850 tín đồ. Tại nhiều cơ sở Phật giáo Nam tông Khmer ở quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ và một số khu vực ở An Giang, chúng tôi đã thấy chư Tăng và cư sĩ sử dụng kinh sách bằng cả ba thứ tiếng: tiếng Pali, tiếng Khmer và tiếng Việt.

Kinh điển sử dụng trong truyền thống Phật giáo Nam tông (Theravada) nói chung và Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam nói riêng vốn thuộc Tam Tạng bằng chữ Pali, gồm năm bộ rất đồ sộ. Tuy nhiên, không phải bài kinh nào cũng được sử dụng để tụng đọc hàng

* Bộ môn Tôn giáo học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngày nhận bài: 03/10/2021; Ngày biên tập: 18/5/2022; Duyệt đăng: 11/7/2022.

ngày. *Kinh tụng hàng ngày* trong tại các chùa của Phật giáo Nam tông Khmer bao gồm những bài kinh có nội dung thể hiện tốt nhất những gì mà cộng đồng này hướng theo. Đồng thời, độ dài của những bài kinh đó không quá dài, vì thời lượng tụng kinh của họ trong ngày chỉ khoảng một giờ. Những bài đó được sắp xếp theo thứ tự và đóng chung thành một quyển gọi là “*Kinh Nhật tụng*”. Tuy nhiên, tu sĩ và cư sĩ không dùng chung một quyển, mà tu sĩ tụng *Kinh tụng chư tăng*, còn cư sĩ tụng *Nhật hành cư sĩ* hay còn gọi là *Kinh nhật tụng dành cho cư sĩ*. Trong đó, có sự khác nhau về các bài kinh.

Ngay từ rất sớm, khi Phật giáo thâm nhập sâu vào đời sống cộng đồng người Khmer ở Campuchia và Việt Nam, chư tăng Khmer đã dịch một số bài kinh Pali tiêu biểu sang tiếng Khmer để tụng đọc hàng ngày. Ngay khi có kinh tụng bằng tiếng Khmer, thì bản kinh bằng tiếng Pali vẫn được song song sử dụng. Từ khi Hòa thượng Hộ Tông (1893-1981)² tạo dựng Phật giáo Nam tông trong cộng đồng người Việt gốc Miên, và người Kinh ở Việt Nam, thì những bài kinh Pali và Khmer đó được dịch sang tiếng Việt. Vì vậy, cho nên hiện nay kinh tụng hàng ngày của cộng đồng Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam có cả ba bản bằng tiếng Pali, tiếng Khmer và tiếng Việt.

Qua những văn bản kinh chúng tôi thu thập được tại nơi điền dã và qua phỏng vấn một số vị sư và cư sĩ ở đây, chúng tôi nhận thấy nội dung những bài kinh được tụng hàng ngày của họ không chỉ đơn giản là để lễ bái, tôn kính Tam Bảo, mà còn hàm chứa rất nhiều và chủ yếu những nội dung hướng dẫn thực hành. Trong bài viết này, chúng tôi giới thiệu về những nội dung chủ yếu đó, bao gồm: những bài kinh hướng dẫn phương pháp thực hành tôn giáo dành cho tu sĩ và những bài kinh hướng dẫn phương pháp thực hành tôn giáo dành cho cư sĩ Phật giáo Nam Tông Khmer.

1. Một số bài kinh tụng hàng ngày dành cho chư Tăng của Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam

Kinh sách Pali và tiếng Khmer trước đây đều được các sư đi du học ở Campuchia đưa về. Khi nói về Phật giáo ở Campuchia, Chánh Trí Mai Thọ Truyền (1905-1973) cho rằng, “thời Pháp thuộc, Campuchia đã lập Trường Cao đẳng Nam Phạn. Ở các chùa, có những trường tiêu

học, gọi là trường chùa (écoles de pagode). Lúc đó, nhà vua và chính phủ qui định và ban hành luật lệ giúp đỡ một hệ thống giáo dục của Phật giáo (các trường tiểu học Nam phạn, Trường Trung học Phật giáo Preah Suramarit, trước kia là Trường Cao đẳng Nam phạn, Viện Đại học Phật giáo Preah Norodom Sihanouk). Việc khảo cứu Phật giáo (Viện Phật học) và xuất bản Kinh tụng Nam phạn bằng tiếng Khmer khi đó đang được tiến hành. Phật giáo Khmer chia ra làm hai phái, một phái, ngoài việc tu hành theo giáo lý Đức Phật, còn áp dụng phù chú, ếm đôi, nghĩa là dùng ma thuật. Phái kia có tính cách tân tiến”³. Sự phân phái này cũng đúng với Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam hiện nay. Ở An Giang, Phật giáo Nam tông Khmer có nét đặc trưng khác biệt so với ở các tỉnh Tây Nam Bộ. Trong số 65 ngôi chùa Nam tông Khmer có 45 ngôi chùa thuộc phái Mahanikay và 19 chùa thuộc phái Thommazut⁴. Theo Pascal Bourdeaux, từ đầu thế kỷ XIX, tại Campuchia đã có sự phân phái thành Mahanikay và Thommazut trong cộng đồng Phật giáo Nguyên thủy (Theravada)⁵. Hai phái này có sự khác nhau về “giáo thuyết, tín ngưỡng, giới luật, giáo lý và các cách thức nhập định”. Hiện nay, phái Thomazut ở đồng bằng sông Cửu Long có 19 ngôi chùa ở Châu Đốc, An Giang, số còn lại đều là chùa thuộc phái Mahalikay. Sinh hoạt tôn giáo và sử dụng kinh sách cũng có sự khác nhau giữa hai phái.

Ở những ngôi chùa thuộc phái Mahanikay, bản *Kinh Tụng Chư Tăng*⁶ song ngữ Pali-Việt, do (phần lớn) dịch giả Tịnh Tâm, tức là Tỳ Khuru Hộ Tông Vansarakkhita (1893-1981) khi còn là cư sĩ tuyển chọn và dịch sang tiếng Việt, hiện đang được lưu giữ và sử dụng. Bên cạnh đó, Tỳ Khuru Hộ Tông còn tham khảo *Kinh thế*⁷ của Hòa thượng Tịnh Sự (1913-1984), Kinh tụng của Mahàmakut Ràjavidyalaya Foundation, Tam Tạng Kinh Pali trong *Tipitaka* trên CD-Rom của Đại học Mahidol Thái Lan, CSCD Dhammagiri của Ấn Độ và bộ từ điển *Pali Text Society's Pali Proper Name*, trong đó, chia thành 5 phần: tiểu tụng, nghi thức chúc phúc, kinh cầu an và sưu tập kệ, tam tạng tóm tắt, kinh cầu siêu.

Trong phần “Tiểu tụng”, có hướng dẫn thực hành về cố ý tránh xa mười hành vi bất thiện: 1- sự sát sinh; 2- sự trộm cắp; 3- sự thông dâm; 4- sự nói dối; 5- sự uống rượu và các chất say; 6- sự múa hát thổi kèn

đàn, xem múa hát, nghe đàn kèn; 7- sự ăn sái giờ; 8- sự trang điểm và thoa vật thơm, dòu phấn và đeo tràng hoa; 9- chỗ nằm ngồi nơi quá cao và quá xinh đẹp; 10- thọ lãnh và cất giữ tiền bạc. Mười sự thực tập này phát triển từ năm giới lớn và bát quan trai giới. Trong ba điều tu học quan trọng nhất của Phật giáo, đó là giới, định và tuệ, thì mười sự thực tập này thuộc về giới. Phật giáo Nam truyền không gọi là “thập thiện” mà gọi là “mười điều học”. Mười điều học và phần nói về 32 thành phần tạo nên cơ thể người (thuật ngữ Phật học là *thể trước*) ngay sau đó cũng xuất hiện trong kinh tụng hàng ngày của người tại gia, và được tụng hàng ngày để hỗ trợ cho thực hành niệm thân - một trong những phương pháp về thực hành tứ niệm xứ.

Bài *Kinh Hạnh Phúc* là một trong những bài kinh quan trọng trong kinh tụng hàng ngày của chư Tăng Phật giáo Nam Tông Khmer ở Việt Nam. Bài kinh này trình bày về các điều kiện đưa tới hạnh phúc cao thượng, khuyến khích sự thực hành rất căn bản với những phương pháp rất cụ thể: không hướng theo kẻ dữ, thân cận người có trí tuệ, cúng dường bậc đáng cúng dường, ở nơi nên ở, học rộng nghe nhiều, biết rõ phận sự của người xuất gia và tại gia, nói lời ngay thật, hiếu với mẹ cha, tiếp độ người thân, bố thí, không làm nghề dữ, ghê sợ và tránh xa tội lỗi⁸, tránh uống rượu bia, khiêm nhường và tôn kính bậc đáng kính, tùy thời nghe pháp, tiếp xúc thế gian tâm không động không sầu.

Trong phần *Kinh tụng cầu an*, ngoài phần lễ bái Tam Bảo và tháp xá lợi, có những bài kinh trình bày về phương pháp niệm ân đức Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Phương pháp niệm trong thực hành Phật giáo Nam truyền có nhiều phương pháp. Phương pháp thứ nhất là niệm ân đức Tam Bảo. Đối với tu sĩ, phương pháp niệm ân đức Tam Bảo thường được thực hành trong những dịp có sự hiện diện của những người cư sĩ và những vị khách tham dự những dịp lễ. Do vậy, phương pháp thực hành được đề cập đến trong phần này dường như chủ yếu là hướng dẫn cho người tham dự lễ. Trong đó, phần *Tam Thập Độ* có nội dung niệm tưởng về những pháp mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã dùng để đến bến bờ giải thoát. Sau đó là bài “Kệ tụng oai lực cảm thắng của Đức Phật” cũng nói về các phép mà Phật Thích Ca Mâu Ni sử dụng để

cảm thắng những đối tượng khó cảm thắng nhất: dùng phép Thập Độ cảm thắng (cảm hóa và chinh phục) Ma vương; dùng phép Nhẫn nhục cảm thắng Dạ xoa Alavaka; dùng rải lòng Từ Bi cảm thắng voi Nalagiri; dùng phép thần thông để cảm thắng tên cướp Aṅgulimāla, dùng phép chính định cảm thắng nàng Chinh-Cha; dùng ngọn đèn trí tuệ cảm thắng kẻ ngoại đạo Sách-Chá-Cá, v.v... *Kinh Ngọn Cờ* đề cập đến phương pháp niệm Tam Bảo chi tiết và rõ ràng. Phương pháp niệm thứ hai trong thực hành Phật giáo Nam truyền được đề cập đến trong phần này là phương pháp niệm tâm từ được nhắc tới trong “Kinh Rải Tâm Từ đến các loài rắn”. *Kinh A Sá Nang Chi (Atànàtiya sutta)*⁹ là một bài kinh mang tính hộ niệm để bảo hộ cho các vị tỳ kheo, tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ được che chở, được hộ trì, khỏi bị nạ quý, phi nhân, loài Dạ xoa, loài Na-ga... làm hại. Phương pháp niệm thứ ba trong thực hành Phật giáo Nam truyền là phương pháp niệm tưởng tới mười điều thuộc về chân lý, nhằm giúp cho người bệnh thấy được sự bình an được hướng dẫn trong phần *Kinh tụng cầu an* với bài “Kinh Gí-Rí-Ma-Nan-Đá” (Girimānanda). Đó là dùng “mười phép tưởng” để bệnh tật thuyên giảm. Đó là tưởng vô thường, tưởng vô ngã, tưởng bất tịnh, tưởng sự khổ, tưởng sự dứt bỏ, tưởng sự dứt tình dục, tưởng tịch tịnh, tưởng sự không tham luyến thế giới, tưởng các pháp hành là vô thường, tưởng hơi thở. Đây là những phương pháp quán niệm về bốn lĩnh vực: thân thể, cảm giác, tâm hành và đối tượng của nhận thức. Người bệnh nghe và thực hành theo dần chấp nhận được sự thật như nó đang là và giảm bớt sự đau đớn. Như vậy, trong phần kinh tụng trong những ngày lễ có sự góp mặt của người tại gia tu Phật và những người tham dự khác, các vị tu sĩ hướng dẫn các phương pháp niệm Tam Bảo, phát triển tâm từ một phần tiếp cận với quán niệm về tứ niệm xứ.

Sau phần “Kinh tụng cầu an” là phần “Sưu tập kệ” xuất hiện những bài kinh rất căn bản và quan trọng bậc nhất trong kho tàng Pali tạng. Đó là “Kinh chuyển pháp luân”, “Kinh tướng vô ngã”, “Kinh giải về lửa phiền não”, ... Những bài kinh này nói về phương pháp thực tập bát chính đạo, về vô ngã và sự hình thành phiền não. Đó là những phần lý thuyết rất căn bản để hỗ trợ thực hành diệt trừ phiền não theo con đường Phật Thích Ca Mâu Ni khám phá và chỉ dạy. Phía sau còn có “ba mươi tục lệ chư Phật”, “mười điều quán tưởng của bậc xuất

gia”, “phép quán tưởng về nguyên chất” đối với việc tiếp nhận tứ vật dụng, “phép quán tưởng về vật đáng nhòm ngắm”, và “Thập nhị duyên khởi”. Toàn bộ những phần quán tưởng phía sau các bài kinh đều là nội dung của thực hành tứ niệm xứ. Những đối tượng được đề cập đến đều là những đề mục Phật Thích Ca Mâu Ni quán niệm khi ngồi dưới gốc cây bồ đề, trước và sau khi thành đạo.

Khi thăm quan những ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khmer ở Thành phố Cần Thơ, chúng tôi còn thấy những biển “Khóa Thiền Tứ Niệm Xứ” trong thiền đường. Qua phỏng vấn các vị sư tu tập ở đây, chúng tôi được biết rằng, sau một khoảng thời gian khá dài vắng bóng việc dạy và học thiền tứ niệm xứ, thì vài năm gần đây những khóa thiền này được tổ chức do nhu cầu thực hành của các vị tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer. Thiền tứ niệm xứ có đặc trưng là phải có một vị thầy chứng đắc trong phương pháp thực tập thiền tứ niệm xứ, có đủ kinh nghiệm để dạy cho người học. Nói cách khác, người học thiền tứ niệm xứ bắt buộc phải có sự hướng dẫn trực tiếp từ một vị thầy giỏi về pháp hành. Do đó, nếu vắng bóng những vị thầy chứng đắc thì không thể tổ chức khóa thiền tứ niệm xứ. Như vậy, có thể phán đoán rằng, gần đây đã xuất hiện những vị thầy chứng đắc về pháp hành tứ niệm xứ và đủ khả năng cũng như có lòng mong muốn dạy thực hành cho các thiền sinh.

Trở lại với Châu Đốc (An Giang), có khoảng 19 ngôi chùa phái Thommazut. Trong suốt quá trình hiện hữu, thực hành Phật giáo tại những ngôi chùa thuộc phái Thommazut ở An Giang khá kín đáo và riêng biệt so với các ngôi chùa thuộc phái Mahanikay trong tỉnh. Theo Pascal Bourdeaux thì cuộc điều tra năm 1944 cho biết, số trường sơ cấp Pali ở Nam Kỳ đã thành lập là 395 trường. Do vậy, mà hiện nay, ở những cơ sở Phật giáo phái Thommazut sử dụng kinh điển bằng chữ Pali, không sử dụng kinh dịch ra tiếng Việt của Hòa thượng Hộ Tông. Do trở ngại về ngôn ngữ, chúng tôi chưa thể biết trong kinh tụng bằng tiếng Khmer có thực hành tứ niệm xứ hay không, nhưng qua tìm hiểu trực tiếp, chúng tôi được biết gần đây chỉ một số ít chùa phái Thommazut cử người đi học thiền tứ niệm xứ ở những nơi khác. Như vậy, hiện nay thực hành thiền tứ niệm xứ vẫn là một phương pháp thực hành khá xa lạ với đa số các vị sư thuộc phái này. Với phần kinh

điền tiếng Khmer của phái Thommazut ở Châu Đốc (An Giang) chúng tôi xin trở lại trong một nghiên cứu khác sau khi có thể tiến hành cuộc điền dã sớm nhất ở đó.

2. Một số bài kinh tụng hàng ngày dành cho cư sĩ Phật giáo Nam tông Khmer bằng tiếng Việt ở Việt Nam hiện nay

Trong số 16 ấn phẩm Hòa thượng Hộ Tông tuyển dịch và biên soạn, có ít nhất hai ấn phẩm dành cho cư sĩ Phật giáo tại gia, đó là *Nhựt Hành Cư Sĩ* và *Cư sĩ vấn đáp. Nhựt hành Cư sĩ* (tạm dịch là kinh tụng hàng ngày) dành cho giới cư sĩ tại gia. Theo thông tin do Trung tâm Hộ Tông cung cấp, khi dịch Kinh tụng hàng ngày cho cư sĩ tại gia, Hòa thượng Hộ Tông đang tu học và thực hành tại Campuchia, khi đó Hòa thượng vẫn là cư sĩ Lê Văn Giảng. Sau năm 1930, trở về Việt Nam được một thời gian, cư sĩ Lê Văn Giảng xuất gia trở thành tu sĩ. Thời điểm soạn kinh *Nhựt hành cư sĩ* cũng là lúc cư sĩ Lê Văn Giảng đã nổi tiếng về phương diện hành thiền, đã hướng dẫn Việt kiều thọ Bát Quan trai giới tại Campuchia, và thậm chí còn được gọi là A-Cha Giảng¹⁰. Như vậy, *Nhựt hành cư sĩ* được tuyển dịch trên cơ sở thực hành của chính ông và nhu cầu của cộng đồng cư sĩ mà ông tiếp xúc lúc bấy giờ. Bản kinh nhật tụng này hiện nay xuất hiện trong hầu hết các cơ sở Phật giáo Nam truyền và ở nhiều cơ sở Phật giáo theo phái Mahanikay. Một trong những ấn bản sớm nhất hiện còn là bản *Nhựt - hành của người tại gia tu Phật* ấn hành năm 1957-58, tương đương Phật lịch 2501¹¹. Một trong những ấn bản gần đây nhất là bản *Nhựt hành của người tại gia tu Phật* phát hành năm 2006, Phật lịch 2550, Nhà xuất bản Tôn giáo¹². Nội dung hai ấn bản này không có sự sai khác. Trong đó, ngoài phần “Lễ bái Tam Bảo”, “Sám hối Tam Bảo”, “Quy y Tam Bảo”, chúng tôi thấy có phần “Luật cư sĩ tóm tắt” và “Pháp trích lục”. Trong đó, những thực hành được trình bày ở đây là về giữ giới, niệm Phật, cúng dường và rải tâm từ được hướng dẫn cho người tại gia tu Phật một cách rất cụ thể.

Giữ giới (trì giới) được luôn được xem là đứng đầu trong thực hành của tất cả các tông phái Phật giáo. Trong *Nhựt hành của người tại gia tu Phật*, soạn giả nhắc tới năm giới, tám giới và mười điều thiện. Từ “cô ý” luôn được nhắc đến trong mỗi giới. Đây là một điểm khác biệt

so với kinh tụng hàng ngày của cư sĩ Phật giáo Bắc truyền. Sự “có ý” nhấn mạnh ở chỗ ngay trong tình huống có khả năng phạm giới thì người đó vẫn kiên quyết không phạm giới. Điều này cần thực hiện được cần phải có trí tuệ và dũng khí, hay nói cách khác cố ý không phạm giới với sự “nhẫn nại” với chính mình. Một điều đáng chú ý nữa là trong phần này không chỉ nói về giới mà có giải thích chi tiết về các “chi” của từng giới. Điều này có tác dụng giúp cho người tu Phật tại gia hiểu cặn kẽ hơn về mỗi giới. Bản thân năm giới này trong kinh sách Nam truyền gọi là “năm thường giới”, trong kinh sách Bắc truyền còn có thể gọi là “ngũ đại giới” hoặc “năm giới lớn”¹³. Điều đó có nghĩa là nội hàm của từng giới có rất nhiều chi tiết cần làm rõ, do vậy việc chỉ đề cập đến giới mà không chi rõ từng khía cạnh nội hàm sẽ dẫn tới hiểu sai về giới, và đưa đến việc giữ giới một cách máy móc và có sự sai lệch. Sự ghi chi tiết này dường như không xuất hiện trong kinh tụng hàng ngày của người tu Phật tại gia trong cộng đồng Phật giáo Bắc truyền.

Một phương pháp kế tiếp được trình bày ngay sau phương pháp giữ năm giới và tám giới là phương pháp “niệm Phật”. Ở trang 38, soạn giả chỉ rõ niệm Phật có ba cách: Cách thứ nhất là tưởng “Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho...” cho đến “Bhagavā” rồi niệm trở lại từ đầu đến cuối, cho đủ 10 hiệu của Phật. Cách thứ hai là tưởng “So Bhagavā itipi Arahaṃ, so Bhagavā itipi Sammāsambuddho...” cho đến “So Bhagavā itipi Bhagavā...” rồi niệm trở lại từ đầu đến cuối cho đủ mười hiệu của Phật; Cách thứ ba là tưởng một hiệu Arahaṃ, hoặc Sammā - sambuddho, hoặc Buddho, hoặc Bhagavā trong mười hiệu, niệm hiệu nào cũng được, nghĩa là chỉ tưởng một hiệu mà thôi. Cả ba cách trên, hành giả tưởng được nhiều càng thêm tốt tùy sức mình, tuy nhiên niệm thì phải hiểu nghĩa mỗi hiệu. Vậy phương pháp niệm Phật này có gì khác với phương pháp niệm Phật của pháp môn Tịnh Độ trong Phật giáo Bắc truyền? Trong bối cảnh của cuốn kinh tụng này, trước hết phải nhận định rằng phương pháp niệm Phật được xem là phương pháp chính dành cho người tại gia tu Phật. Bởi vì nó được giải thích ngay trong phần “Phật pháp lược giải” sau lời tựa và trước phần lễ bái Tam Bảo. Niệm Phật ở đây giống và khác với pháp môn niệm Phật theo truyền thống Phật giáo Bắc truyền.

Để trả lời cho câu hỏi “Vì sao Phải niệm Phật?” thì câu trả lời rằng, “Nếu muốn được sáng suốt, trước trì giới cho nghiêm, sau định tâm cho vững, chế ngự lục căn, ngăn ngừa lục trần, thì tâm sẽ dần dần thanh tịnh, suốt thông mọi lẽ, phân biệt chánh tà, lánh các sự dữ, làm những điều lành, như thế sẽ hết khổ được vui... niệm Phật, tham thiền là một phương pháp tối cao, làm cho tâm xao xuyên trở nên thanh tịnh, tâm mờ ám ra sáng suốt, thấu rõ ba tướng: vô thường, khổ não, vô ngã, của sự vật, chẳng có vật chi là của ta, cho đến thân tứ đại (mà ta lầm tưởng là ta), cũng chẳng phải ta thì ngoài ra có cái chi là ta, là của ta”. Theo triết lý này thì niệm Phật một mặt ngăn ngừa những điều tác hại xâm nhập qua sáu giác quan, một mặt để phát triển “chánh định”. Trên nền tảng tâm thanh tịnh đi tới tham thiền để thông suốt mọi lẽ. Tìm hiểu trong kinh tụng Phật giáo chúng tôi thấy rằng, bài kinh “Niệm Tam Bảo”¹⁴ xuất hiện là bài kinh số 888 trong *Tương Ưng Bộ* trong Pali tạng của Phật giáo Nam truyền, đồng thời cũng xuất hiện trong phẩm “Tương Ưng Tám Chúng” trong bộ *Tạp A Hàm* thuộc Hán tạng của Phật giáo Bắc truyền. Bối cảnh lời Phật thuyết trong bài kinh này là Phật thuyết cho những vị khách buôn. Nội dung là: “Các ông sắp vào nơi hoang mạc, sẽ gặp nhiều khủng bố, tâm kinh hoàng dựng đứng cả lông, lúc ấy nên niệm Như Lai: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác... Phật, Thế Tôn. Niệm như vậy thì mọi khủng bố đều tiêu trừ”. Phép niệm Phật trong *Nhứt hành* cũng tương tự như vậy. Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, cũng có thể thấy triết lý này trong *Cư trần lạc đạo phú* của Trần Nhân Tông liên quan đến niệm Phật:

“Tịnh độ là lòng trong sạch
 Chớ còn hỏi đến Tây phương
 Di Đà là tính sáng soi
 Mưa phải nhọc tìm Cự lạc¹⁵.”

Như vậy về triết lý thì niệm Phật trong *Nhứt hành* có ý nghĩa giống với ý nghĩa “thực tướng niệm Phật” trong giáo nghĩa Tịnh Độ và Thiền. Như vậy, về mặt triết lý thì phương pháp niệm Phật mà soạn giả Hộ Tông đề xuất cho giới tại gia tu Phật không chỉ trùng hợp với quan niệm hợp nhất trong giáo nghĩa của Thiền – Tịnh, mà còn là sự tương dung giữa triết lý thực hành Phật giáo Nam truyền và triết lý thực hành

Phật giáo Bắc truyền. Tuy nhiên, điểm khác biệt nằm ở chỗ soạn giả Hộ Tông khi giải thích lý do niệm Phật không hề nhắc tới mục đích hướng về một cõi như cõi Tây Phương Cực Lạc như trong kinh *A Di Đà* Phật giáo Bắc truyền¹⁶. Soạn giả ghi rõ niệm Phật là để lòng ghi nhớ danh hiệu Phật. Niệm Phật vào hai thời sau khi tụng kinh tối, ngồi niệm 5, 10 phút, rồi nằm niệm và ngủ; Sáng khoảng 3, 4, 5 giờ: ngồi niệm. Trước khi niệm, phải suy xét về 10 tội ngũ trần và tham cứu ba đề mục thiền định: đề mục niệm tâm từ để đối trị sân, niệm chết để tinh tấn tu hành, niệm thân bất tịnh để đối trị tham. Như vậy, niệm Phật là một phương thức đi liền tới thực hành tứ niệm xứ. Hơn nữa, trong mục “Phật pháp lược giải”, soạn giả ghi rõ từ việc thực hành niệm Phật, tham thiền có thể đưa người tại gia tu Phật đi tới chỗ “chẳng còn chi cho ta phải quyến luyến, thương yêu ham muốn thì có chi là khổ, tức là được tiêu điều tự tại vậy”. Nói cách khác là có thể thiết lập Tịnh Độ ngay ở hiện tại. Cũng có thể tìm thấy cách giải thích này tương ứng với sự thiết lập Tịnh Độ trong *Thiết lập Tịnh Độ - Kinh A Di Đà thiền giải* của Thích Nhất Hạnh¹⁷. Như vậy, phương pháp niệm Phật do Hòa thượng Hộ Tông đề xuất là phương pháp niệm Phật để phát triển chính định, làm nền tảng căn bản cho thực hành thiền tứ niệm xứ.

Sách này xuất hiện ở hầu hết những cơ sở Phật giáo Nam tông Khmer phái Mahanikay, trước đây chưa từng xuất hiện ở những cơ sở Phật giáo Nam tông Khmer phái Thommazut. Tại An Giang, mặc dù hầu hết các vị sư Phật giáo Nam tông phái Thommazut vẫn theo truyền thống và khép kín, nhưng trong khoảng một năm lại đây có sự giao lưu giữa 4-5 ngôi chùa thuộc hệ phái Thommazut với cơ sở Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội, theo định hướng đến tinh thần “ngôi nhà chung” của Phật giáo Việt Nam. Từ sự giao lưu này đưa tới việc xuất hiện kinh *Nhứt hành cư sĩ* và thực hành tứ niệm xứ tại những ngôi chùa này¹⁸. Tuy sự hiện diện sách *Nhứt hành cư sĩ* này mới chỉ ở văn bản, chưa triển khai về mặt thực hành cho người tại gia tu Phật ở những cơ sở Phật giáo Nam tông Khmer hệ Thommazut ở An Giang, nhưng đây có thể là một gợi ý mới về phương pháp thực hành Phật giáo cho cư sĩ ở đây.

Hai vị Trưởng lão Sona và Uttara đi truyền giáo vùng Suvarnabhumi (Suvarnabhumi “Xứ Vàng” (the Land of Gold), chính

là vùng Tam giác Vàng (Lào, Thái Lan, Myanmar) ở Đông Nam Á thời kỳ vua Asoka, sau kết tập tại thành Vesali¹⁹ đã giảng kinh *Brahmajālā*, tương đương với *Kinh Phạm Võng* trong A Hàm của Phật giáo Bắc truyền. Trong nội dung kinh đó, có phần nói về Phật Thích Ca Mâu Ni giác ngộ bằng quan sát cảm thọ. Quan sát cảm thọ là một lĩnh vực trong bốn lĩnh vực của tứ niệm xứ. Cổ nhiên thời kỳ này vẫn là thời kỳ khẩu truyền của kinh điển Phật giáo. Có lẽ hai vị trưởng lão này đã không chỉ khẩu truyền mà còn hướng dẫn phương pháp quán thọ cho cư dân ở những nơi hai vị đi qua. Đến Châu Đốc tỉnh An Giang, chúng tôi tìm thấy dấu vết ngôn ngữ ở tên ngọn núi Ba Thê, thuộc cánh đồng Tứ giác Long Xuyên, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn. Chữ Ba theo từ điển Pali có nghĩa là ‘hai’, chữ Thê có thể là viết tắt của chữ Thera trong Pali có nghĩa là ‘trưởng lão’. Cụm từ ‘Ba Thê’ có thể có nghĩa là ‘Hai vị Trưởng lão’, ám chỉ hai vị này. Như thế có thể hai vị Trưởng lão Sona và Uttara đã từng tới khu vực này vào thế kỷ III trước Công nguyên và mang theo cả phương pháp tứ niệm xứ cũng như khẩu truyền lời Phật dạy cho cư dân ở đây. Sau đó khoảng hai thế kỷ, cuộc kết tập kinh điển lần thứ tư được diễn ra ở Alu Vihara (Matale) ở Đảo quốc Sri Lanka vào triều đại vua Vattagamani-Abhaya, thế kỷ I trước Công nguyên. Đây là lần đầu tiên kinh điển được viết trên lá buông bằng chữ Pali, với đầy đủ ba tạng kinh điển (Kinh, Luật, A-tỳ-đàm) được kết tập. Những bộ kinh Pali này được đưa đến các vùng đất đang thực hành theo truyền thống Phật giáo Nam truyền, trong đó có Campuchia, Thái Lan, Myanmar. Những kinh điển Pali khi vào cộng đồng Khmer ở khu vực Đông Nam Á đã được dịch sang kinh Phật bằng tiếng Khmer vẫn viết trên lá buông. Để rồi các vị Hộ Tông, Thiện Luật, Tịnh Sự, v.v... tiếp thu truyền thống pháp học và pháp hành đó tại Campuchia, Thái Lan, Myanmar, v.v... rồi đúc kết lại và dịch sang những bản kinh nhật tụng lưu hành trong các chùa Nam tông Kinh và Nam tông Khmer ngày nay ở Việt Nam. Nếu nói về sự chuyển biến của Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam hiện nay thì đó là sự chuyển biến ‘về nguồn’ với nguồn cội không chỉ dừng ở Phật giáo Khmer mà còn là Phật giáo Nguyên thủy.

Nhìn trong toàn cảnh Phật giáo ở Việt Nam hiện nay, có thể thấy xu hướng tìm về ‘nguyên chất’ của Phật giáo thời Phật còn tại thế.

Điển hình trong số những tu sĩ Việt Nam tìm về với sự thực hành Phật giáo ‘nguyên chất’ là một số tu sĩ của Phật giáo Bắc truyền như Thượng tọa Thích Nhật Từ (trụ trì chùa Giác Ngộ, Sài Gòn)²⁰, Trưởng lão Thích Thông Lạc (Viện trưởng Tu Viện Chơn Như)²¹, Thiền sư Thích Nhất Hạnh (khởi dựng và hướng dẫn các tu viện Làng Mai)²². Trong *Kinh Phật căn bản*²³, Thượng tọa Thích Nhật Từ trực tiếp tuyển chọn 11 bài có xuất xứ từ Pali tạng của Phật giáo Nam truyền và 2 bài thuộc kinh điển Hán tạng của Phật giáo Bắc truyền. Trong *Nhật tụng thiền môn*²⁴, Thiền sư Nhất Hạnh cũng tuyển chọn các kinh từ Hán tạng và Pali tạng, v.v... Bên cạnh những tác phẩm in sách, các vị này có nhiều bài giảng của mình trên internet (youtube, facebook) cũng theo xu hướng này. Không chỉ trên phương diện diễn ngôn, các vị này đã thể hiện khuynh hướng tìm về ‘nguyên chất’ Phật giáo. Không chỉ ở phương diện diễn ngôn, các vị đó đã cho triển khai thực hành tại các chùa, tu viện do mình trú trì bằng cách tổ chức những khóa thiền tứ niệm xứ, hay còn gọi là Vipasana, hoặc thiền chính niệm. Như vậy, có thể thấy sự chuyển biến của Phật giáo Nam tông Khmer tại Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng này của Phật giáo Việt Nam nói chung.

Kết luận

Hiện nay, nhiều kinh tụng hàng ngày bằng tiếng Việt do Hòa thượng Hộ Tông và các vị hòa thượng người Kinh biên soạn dành cho các tu sĩ và cư sĩ xuất hiện ngày càng nhiều trong các ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khmer, bao gồm cả nhánh Mahanikay và nhánh Thommazut. Về phương pháp thực hành trong những kinh tụng đó, từ những năm đầu thế kỷ XX, đã được hướng dẫn kỹ lưỡng cho chư Tăng và người tại gia tu Phật, trong đó thực hành của chư Tăng đi sâu vào thực hành tứ niệm xứ, còn thực hành của cư sĩ chủ yếu là giữ giới, bố thí và niệm Phật để phát triển sự vững chãi (định). Những năm gần đây thực hành tứ niệm xứ đang trở lại mạnh mẽ trong sinh hoạt tôn giáo của cộng đồng này với vai trò chủ yếu của các tu sĩ Phật giáo Theravada nước ngoài hoặc là người Việt từng đi du học nước ngoài. Đây có thể vừa là sự chuyển biến về nguồn, vừa phù hợp với xu hướng chung của Phật giáo Việt Nam hiện nay là tìm về Phật giáo nguyên bản hay Phật giáo nguyên chất./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Lý Hùng (2020), *Vai trò của tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer trong đời sống xã hội của người Khmer ở Tây Nam Bộ hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- 2 Mời xem thêm tại <http://trungtamhotong.org/index.php?module=sulieu&function=detail&id=1>
- 3 Chánh Trí Mai Thọ Truyền (2012), *Phật giáo sư Đông Nam Á*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 47.
- 4 Nguyễn Nghị Thanh (2013), *Phật giáo Nam tông Khmer An Giang-Những vấn đề đặt ra*, Luận án Tiến sĩ Tôn giáo học, MS 62229001, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 5 Pascal Bourdeaux (Cù Thị Dung dịch Việt, 2015)“Tài liệu về một giáo phận của Viện Phật học ở Nam Kỳ”, trong Hội thảo *Phông Phủ Thống đốc Nam kỳ-tiềm năng tư liệu*, do Cù Thị Dung lược dịch, bản đăng tải ngày 17/10/2015 trên <http://luutruvn.com/index.php/2015/10/17/tai-lieu-ve-mot-giao-phan-cua-vien-phat-giao-o-nam-ky/> (truy cập lúc 10:27 phút ngày 27 tháng 8 năm 2021)
- 6 Tịnh Tâm (HT. Hộ Tông dịch, 2000), *Kinh Tụng Chư Tăng*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- 7 **Kinh thẻ:** Trong bài giảng về Vi Diệu Pháp ngày 25 tháng 6 năm 2020 qua internet, Thượng tọa Thích Tuệ Siêu giải thích: “Những thẻ nhớ: Một trong những cách học tốt nhất của môn Thắng Pháp là sử dụng các thẻ nhớ (flash card) để tóm lược những ý chính của từng bài học hay từng pháp. Những ghi chú ngắn gọn sẽ giúp người học dễ nhớ và chú ý những điểm quan trọng. Ngài Tịnh Sự cũng thường dùng những thẻ nhớ này (Ngài gọi là kinh thẻ) để trình bày những pháp cho cả Tam Tạng”.
- 8 Kinh điển Phật giáo Bắc truyền gọi là “tâm úy”, có khi dịch là “tâm quý”.
- 9 Hòa thượng Thích Minh Châu phiên là *Kinh A-sá-nang-chi* là kinh số 32 thuộc *Kinh Trường Bộ (Dìgha Nikàya)*, ấn bản năm 1991.
- 10 Từ A-cha là tiếng tôn xưng một vị thầy trong Phật giáo Campuchia thời đó.
- 11 Mời xem file scan trên trang <https://thuvienhoasen.org/a33124/bo-sach-ebook-cua-ngai-ho-tong>
- 12 Mời xem file tại <https://www.budsas.org/uni/u-nhat-tung/nhuthanh00.htm>
- 13 Xem HT Tuyên Hóa giảng giải (Tỳ kheo Thích Minh Định dịch Việt), *Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật*, phẩm thứ 30 “A Tăng Kỳ”.
- 14 Kinh “Niệm Tam Bảo” là bài kinh số 888 thuộc *Tương Ưng Bộ Kinh*, có nơi nói là bài kinh số 980. Tham khảo bản mềm tại <https://www.daitangkinhvietnam.org/node/8755> (truy cập 10:52 phút, ngày 31/08/2021)
- 15 Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2014), *Tổng tập thơ Nôm Trúc Lâm Yên Tử*, Nxb. Thông Tin và Truyền Thông, Hà Nội, tr. 47.

- 16 Nguyễn Văn Quý (2018), “Niềm tin tôn giáo trong pháp tu Tịnh Độ qua kinh điển Phật giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 03 (171), tr.72-90.
- 17 Thích Nhất Hạnh (2004), *Thiết lập Tịnh Độ - Kinh A Di Đà thiền giải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 18 Thông tin tư liệu này được chia sẻ từ quan sát trực tiếp của anh Tổng Kim Hải, làm việc tại Ban Dân vận tỉnh An Giang.
- 19 Chánh Trí Mai Thọ Truyền (2012), *Phật giáo sử Đông Nam Á*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 9.
- 20 Thích Nhật Từ (2017), *Đạo Phật pháp môn và Đạo Phật nguyên chất*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- 21 Thích Thông Lạc (2011), *Đường về xứ Phật*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 22 Thích Nhất Hạnh (2017), *Đạo Bụt nguyên chất*, Nxb. Hồng Đức, Công ty phát hành Phương Nam.
- 23 Thích Nhật Từ (2019), *Kinh Phật căn bản*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- 24 Thích Nhất Hạnh (2017), *Nhật tụng thiền môn*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An (2006), “Một số vấn đề của Phật giáo Khmer Nam Bộ hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 36-38;
2. Hòa thượng Thích Minh Châu (dịch Việt, 1993), *Tương Ưng Bộ Kinh*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Hòa thượng Thích Minh Châu (dịch Việt, 1991), *Kinh Trường Bộ (Digha Nikàya)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Tịnh Hải Pháp Sư (1992), *Lịch sử Phật giáo thế giới*, tập 2 (Phật giáo Nam truyền), Sách dùng cho Trường Cao đẳng Phật học, Nxb. Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà nội.
5. Thích Nhất Hạnh (2017), *Nhật tụng thiền môn*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
6. Thích Nhất Hạnh (2017), *Thiết lập Tịnh Độ - Kinh A Di Đà thiền giải*, Nxb. Hà Nội.
7. Thích Nhất Hạnh (2017), *Đạo Bụt nguyên chất*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
8. Hòa thượng Tuyên Hóa giảng giải (Tỳ kheo Thích Minh Định dịch Việt), *Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật*, phẩm thứ 30 “A Tăng Kỳ”.
9. Lý Hùng (2020), *Vai trò của tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer trong đời sống xã hội của người Khmer ở Tây Nam Bộ hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
10. Thích Thông Lạc (2011), *Đường về xứ Phật*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. Trần Hồng Liên (2014), “Sự chuyển đổi tôn giáo trong người Khmer ở Trà Vinh hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 05 (131), tr. 47-52.
12. Nguyễn Xuân Nghĩa (2003), “Phật giáo tiêu thừa Khmer ở vùng nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long: chức năng xã hội truyền thống và động thái của xã hội”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5.

13. PGS.TS. Pascal Bourdeaux (Cù Thị Dung dịch Việt, 2015), “Tài liệu về một giáo phận của Viện Phật học ở Nam Kỳ”, trong Hội thảo *Phông Phú Thống đốc Nam Kỳ - tiềm năng tư liệu*, do Cù Thị Dung lược dịch, bản đăng tải ngày 17/10/2015 trên [http:// luutruvn.com/index.php/2015/10/17/tai-lieu-ve-mot-giao-phan-cua-vien-phat-giao-o-nam-ky/](http://luutruvn.com/index.php/2015/10/17/tai-lieu-ve-mot-giao-phan-cua-vien-phat-giao-o-nam-ky/) (truy cập lúc 10:27 phút ngày 27 tháng 8 năm 2021)
14. Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2014), *Tổng tập thơ Nôm Trúc Lâm Yên Tử*, Nxb. Thông Tin và Truyền Thông, Hà Nội, tr. 47.
15. Nguyễn Văn Quý (2018), “Niềm tin tôn giáo trong pháp tu Tịnh Độ qua kinh điển Phật giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 03 (171), tr. 72-90.
16. Tịnh Tâm (HT. Hộ Tông dịch, 2000), *Kinh Tụng Chư Tăng*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
17. Thích Đức Thắng (dịch Việt, tái bản năm 2019), *Kinh Tập A Hàm*, Thích Tuệ Sỹ hiệu chỉnh và chú thích, tái bản, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội
18. Nguyễn Nghị Thanh (2013), *Phật giáo Nam tông Khmer An Giang- Những vấn đề đặt ra*, Luận án Tiến sĩ Tôn giáo học, MS. 62229001, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
19. Chánh Trí Mai Thọ Truyền (2012), *Phật giáo sử Đông Nam Á*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
20. Thích Nhật Từ (2017), *Đạo Phật pháp môn và Đạo Phật nguyên chất*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
21. Thích Nhật Từ (2019), *Kinh Phật căn bản*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
22. Thích Nhật Từ (chủ biên, 2020), *Phật giáo Nam tông tại vùng Nam Bộ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

Abstract

SCRIPTURES FOR DAILY CHANTING IN VIETNAMESE OF THE THERAVADA SECT IN VIETNAM TODAY

Phạm Thị Chuyền

Discipline of Religious Studies, USSH-VNU Hanoi

In recent years, Theravada Buddhism of the Khmer community in Vietnam (past and present) has become topics of interest for social science researchers. However, there are few in-depth studies on the daily chanting of Buddhist Scriptures. Based on Buddhist Scriptures and field materials, this article clarifies the content of key suttas that are recited daily by the Khmer Theravada Buddhist community in Vietnam.

Keywords: Buddhist Scriptures; Vietnamese; Theravada; Vietnam.